

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và số lượng người
hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 224/QĐ-BNV ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh giảm biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước năm 2019 của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Công văn số 152/BNV-TCBC ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Hậu Giang năm 2019;

Xét Tờ trình số 1443/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị thông qua Nghị quyết điều chỉnh giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP, năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh giao biên chế công chức, biên chế sự nghiệp và số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2019, như sau:

1. Tổng số biên chế công chức giao năm 2019 là 1.522 biên chế (giữ nguyên theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc giao biên chế công chức, biên chế viên chức, số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh năm 2019), cụ thể:

a) Biên chế giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh: 877 biên chế.

Trong đó: Điều chỉnh giảm 02 biên chế công chức (chưa sử dụng hết) từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung cho Văn phòng Điều phối Chương trình quốc gia xây dựng nông thôn mới do yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

b) Biên chế giao UBND các huyện, thị xã, thành phố: 645 biên chế.

2. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của các cơ quan hành chính nhà nước là: 133 người.

Trong đó: Điều chỉnh giảm 01 người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (chưa sử dụng hết) của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung cho Văn phòng UBND tỉnh.

3. Tổng số biên chế sự nghiệp giao năm 2019 là 14.725 biên chế (giảm 274 biên chế theo quy định so với Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang), cụ thể:

a) Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 9.943 biên chế
(tăng 120 biên chế so với Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang).

b) Sự nghiệp Y tế: 2.908 biên chế.

c) Sự nghiệp nghiên cứu khoa học: 23 biên chế.

d) Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao và Du lịch: 158 biên chế.

đ) Sự nghiệp khác khối sở, ban, ngành tỉnh: 1.181 biên chế.

e) Sự nghiệp khác khối UBND cấp huyện: 501 biên chế.

g) Biên chế sự nghiệp dự phòng: 11 biên chế.

(Số biên chế dự phòng để thực hiện điều tiết cho các đơn vị khi cần thiết do yêu cầu phát sinh nhiệm vụ).

4. Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các đơn vị sự nghiệp công lập là: 748 người (giảm 21 người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP so với Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang).

(Đính kèm các Phụ lục)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Trên cơ sở biên chế được giao, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị bố trí, sắp xếp, sử dụng biên chế hợp lý, nếu cần điều chỉnh biên chế nội bộ của các đơn vị trực thuộc thì phải hiệp thương thống nhất trong Ban lãnh đạo và báo cáo Sở Nội vụ tổng hợp, quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện tinh giản biên chế của từng cơ quan, đơn vị đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tại Điều 1 của Nghị quyết này (thời gian thực hiện hoàn thành chậm nhất vào ngày 30 tháng 9 năm 2019).

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ 12 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2019. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VPQH, VPCP (HN, TP. HCM);
- Bộ Nội vụ;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Lưu: VT



Huỳnh Thanh Tạo



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH SỐ GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế giao đầu năm 2019	Biên chế đề xuất giao tăng (+), giảm (-) năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	99	-2	97	Điều tiết giảm 02 biên chế về Văn phòng ĐPCTMTQGXDNTM
2	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	3	+2	5	Điều tiết tăng 02 biên chế từ Sở NN&PTNT về Văn phòng ĐPCTMTQGXDNTM



Phụ lục II

PHIẾU CHỈNH SỬ GIAO BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2019
 kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019
 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên đề xuất giảm năm 2019	Số biên chế đề xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế đề xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
TỔNG CỘNG (A +B +C + D + E + F)		14,999	-407	0	133	14,725	
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	9,823	0	0	120	9,943	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1,502	0		10	1,512	Bổ sung 10 biên chế từ nguồn ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên
2	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	125	0	0	0	125	
3	Trường THCS, Tiểu học, Mầm non cấp huyện	8,196	0	0	110	8,306	Bổ sung 110 biên chế từ nguồn ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên
3.1	Tp. Vị Thanh	909	0	0	15	924	Bổ sung 15 biên chế từ nguồn ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên
3.2	Tx. Ngã Bảy	648	0	0	15	663	Bổ sung 15 biên chế từ nguồn ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên đề xuất giảm năm 2019	Số biên chế đề xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế đề xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
3.3	Tx. Long Mỹ	883	0	0	20	903	Bổ sung 20 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên
3.4	Huyện Long Mỹ	965	0	0	20	985	Bổ sung 20 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên
3.5	Huyện Vị Thủy	1,052	0	0	10	1,062	Bổ sung 10 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên
3.6	Huyện Phụng Hiệp	1,816	0	0	10	1,826	Bổ sung 10 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên
3.7	Huyện Châu Thành	861	0	0	10	871	Bổ sung 10 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên
3.8	Huyện Châu Thành A	1,062	0	0	10	1,072	Bổ sung 10 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	2,908	0	0	0	2,908	
C	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	23	0	0	0	23	
D	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	158	0	0	0	158	
E	SỰ NGHIỆP KHÁC	2,087	-407	0	2	1,682	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên để xuất giám năm 2019	Số biên chế để xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế để xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8
I	Cấp tỉnh	1,508	-323	-6	2	1,181	
1	Văn phòng UBND tỉnh	23	-8	0	0	15	- Giám 8 biên chế ĐVSNCL (Nhà khách Hồng Sơn)
2	Sở Nội vụ	16	0	4	2	22	- Bổ sung 02 biên chế từ nguồn ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên; - Điều tiết tăng 02 biên chế từ VPĐPCTMTQGXDNTM (01); VPBATGT (01).
3	Sở Tư pháp	39	0	2	0	41	- Điều tiết tăng 02 biên chế từ VPĐPCTMTQGXDNTM và VPBATGT
4	Sở Tài chính	10	0	2	0	12	- Điều tiết tăng 02 biên chế từ Sở GTVT và VPBATGT
5	Sở Công Thương	46	0	0	0	46	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	511	-53	0	0	458	Giảm 53 biên chế ĐVSNCL (Trung tâm Giống NN; Trung tâm NS&VSMT; Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCL tự chủ chi thường xuyên đề xuất giảm năm 2019	Số biên chế đề xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế đề xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
7	Sở Giao thông vận tải	67	-34	-8	0	25	- Giảm 34 biên chế ĐVSNCL (Trung tâm ĐKPTGT; BQL và ĐH BXT); - Điều tiết giảm 08 biên chế về Sở Tài chính (1), Sở Nội vụ (2), UBND huyện Phụng Hiệp (1), UBND huyện Châu Thành A (1), UBND thị xã Long Mỹ (1) và UBND huyện Long Mỹ (2)
8	Sở Xây dựng	37	-37	0	0	0	Giảm 37 biên chế ĐVSNCL (Trung tâm QH-KT; Trung tâm KĐCLXD)
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	327	-126	0	0	201	Giảm 126 biên chế ĐVSNCL (Trung tâm KTTN&MT; Trung tâm PTQP)
10	Sở Thông tin và Truyền Thông	8	0	0	0	8	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	58	0	0	0	58	
12	BQL các khu công nghiệp	26	0	0	0	26	
13	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	102	0		0	102	

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên để xuất giảm năm 2019	Số biên chế đề xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế đề xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
14	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	37	0		0	37	
15	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	4	0	-4	0		Điều tiết giảm 04 biên chế về Thị xã Long Mỹ(1), Số Nội vụ (1), Số Tài chính (1), Số Tư pháp (1)
16	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	18	0	2	0	20	Điều tiết tăng 02 biên chế từ VPĐPCTMTQXDNTM
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	23	-23	0	0	0	Giảm 23 biên chế ĐVSNCCL (100%);
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	28	-28	0	0	0	Giảm 28 biên chế ĐVSNCCL (100%);
19	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	14	-14	0	0	0	Giảm 14 biên chế ĐVSNCCL (100%);
20	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	110	0	0	0	110	
21	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh	4	0	-4	0	0	Điều tiết giảm 04 biên chế về Sở Nội vụ (1), Số Tư pháp (1), BQL KNNUDCNC (2).

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCCL tự chủ chi thường xuyên đề xuất giảm năm 2019	Số biên chế đề xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế đề xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
I	2	3	4	5	6	7	8
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	579	-84	6	0	501	
1	Thành phố Vị Thanh	78	-26	0	0	52	Giảm 26 biên chế ĐVSNCCL (BQL Chợ; BQL Cụm CN&ITCN; BQLDA&ĐTĐD)
2	Thị xã Ngã Bảy	86	-9	0	0	77	Giảm 09 biên chế ĐVSNCCL (BQLDA&ĐTĐD)
3	Thị xã Long Mỹ	58	-6	2	0	54	- Giảm 06 biên chế ĐVSNCCL (BQLDA&ĐTĐD); - Điều tiết tăng 02 biên chế từ Sở GTVT và Văn phòng Ban ATGT tỉnh.
4	Huyện Long Mỹ	51	-8	2	0	45	- Giảm 08 biên chế ĐVSNCCL (BQLDA&ĐTĐD); - Điều tiết tăng 02 biên chế từ Sở GTVT
5	Huyện Vị Thủy	80	-9	0	0	71	Giảm 09 biên chế ĐVSNCCL (BQLDA&ĐTĐD)
6	Huyện Phụng Hiệp	72	-10	1	0	63	Giảm 10 biên chế ĐVSNCCL (BQLDA&ĐTĐD); - Điều tiết tăng 01 biên chế từ Sở GTVT
7	Huyện châu Thành	84	-5	0	0	79	Giảm 05 biên chế ĐVSNCCL (BQLDA&ĐTĐD)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số biên chế giao đầu năm 2019	Số biên chế ĐVSNCL tự chủ chỉ thường xuyên đề xuất giảm năm 2019	Số biên chế đề xuất điều tiết năm 2019	Số biên chế đề xuất bổ sung năm 2019	Biên chế điều chỉnh giao năm 2019	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
8	Huyện Châu Thành A	70	-11	1	0	60	Giám 11 biên chế ĐVSNCL (BQLDA&ĐT XD); - Điều tiết tăng 01 biên chế từ Sở GTVT
F	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	0	0	0	11	11	



Phụ lục III

ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI

HỢI ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP

TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP			Ghi chú
		Giao đầu năm 2019	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Điều chỉnh giao năm 2019	
1	2	3	4	5	6
1	Văn phòng UBND tỉnh	11	+1	12	Điều tiết tăng thêm 01 người làm nhiệm vụ lái xe từ Sở VH&DL
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	-1	4	Điều tiết giảm 01 người về Văn phòng UBND tỉnh



Phụ lục IV

ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP

TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP			Ghi chú
		Giao đầu năm 2019	Đề xuất số giao giảm năm 2019	Điều chỉnh giao năm 2019	
1	2	3	4	5	6
TỔNG CỘNG (A + B + C + D + E + F)		769	-21	748	
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO	565	0	565	
B	SỰ NGHIỆP Y TẾ	69	0	69	
C	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	2	0	2	
D	VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	25	0	25	
E	SỰ NGHIỆP KHÁC	108	-21	87	
I	Cấp tỉnh	85	-21	64	
1	Văn phòng UBND tỉnh	2	0	2	
2	Sở Nội vụ	2	0	2	
3	Sở Tư pháp	1	0	1	
4	Sở Tài chính	2	0	2	
5	Sở Công Thương	1	0	1	



STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP			Ghi chú
		Giao đầu năm 2019	Đề xuất số giao giảm năm 2019	Điều chỉnh giao năm 2019	
1	2	3	4	5	6
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	13	-10	3	Giám 10 người (Trung tâm Giống NN; Trung tâm NS&VSMT; Trung tâm Nông nghiệp Mùa Xuân)
7	Sở Giao thông vận tải	3	-1	2	Giám 01 người (Trung tâm ĐKPTGT)
8	Sở Xây dựng	5	-5	0	Giám 05 người (Trung tâm QH-KT; Trung tâm KĐCLXD)
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	8	-4	4	Giám 04 người (Trung tâm KTTN&MT; Trung tâm PTQĐ)
10	Sở Thông tin và Truyền Thông	0	0	0	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13	0	13	
12	BQL các khu công nghiệp	5	0	5	
13	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2	0	2	
14	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	8	0	8	
15	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	0	0	0	
16	Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh	1	0	1	
17	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	0	0	0	
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh	1	-1	0	Giám 01 người

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng người hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP			Ghi chú
		Giao đầu năm 2019	Đề xuất số giao giảm năm 2019	Điều chỉnh giao năm 2019	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
19	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh	0	0	0	
20	Trường Cao đẳng cộng đồng Hậu Giang	18	0	18	
21	Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh	0	0	0	
II	Cơ quan, đơn vị cấp huyện	23	0	23	

